

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Hòa;
- Ông Đoàn Văn Xây.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số B, ngõ B, tổ B, khối E, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Lý Thúy N, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-01-2024, bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Lý Thúy N tự quen biết và được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình

tổ chức cưới hỏi theo phong tục vào tháng 6-2018, đến ngày 31-7-2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Sau khi cưới vợ chồng ở cùng nhà với mẹ anh Phạm Văn T được khoảng 10 ngày, thì cùng thuê và mở quán bán đồ ăn sáng tại cổng bệnh viện huyện C, tỉnh Lạng Sơn; trong thời gian chung sống này chị Lý Thúy N chưa chuyển hộ khẩu về nhà anh Phạm Văn T mà vẫn để hộ khẩu cùng nhà bố mẹ đẻ là ông Lý Văn T2, bà Nguyễn Thị N1 tại thôn N, xã H, thành phố L. Từ tháng 9-2018 chị Lý Thúy N nói với anh là muốn đi làm ăn xa; gia đình và anh không đồng ý vì vợ chồng mới cưới nhau, cần có thời gian gần nhau để bảo đảm hạnh phúc vợ chồng; nhưng chị Lý Thúy N và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N1 không đồng ý vẫn để chị L Thúy N đi làm công ty tại Bắc Giang hay Bắc Ninh; anh có điện thoại liên lạc nhưng chị Lý Thúy N không nghe, nên vợ chồng dần dần không còn liên lạc với nhau, không biết cuộc sống, công việc của nhau như thế nào. Vào dịp tết nguyên đán năm 2019 mẹ anh có đến gia đình chị Lý Thúy N nói chuyện để đón về nhà chồng ăn Tết, nhưng chị Lý Thúy N cũng không về.

Do vợ chồng sống ly thân từ tháng 9-2018 đến cuối năm 2020 thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tháng 12-2020 anh đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, nhưng chị Lý Thúy N không hợp tác, không đến Tòa; vì lý do công việc anh không chờ được nên đã tự xin rút đơn, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng cũng không gặp nhau, anh có hỏi gia đình bên vợ thì chỉ thấy nói chị Lý Thúy N đi Trung Quốc làm ăn, nhưng không biết có đúng hay không vì anh không liên lạc hay gọi điện được cho chị Lý Thúy N. Nay vợ chồng sống ly thân đã 5 năm, không còn quan tâm gì đến nhau, anh Phạm Văn T đề nghị Tòa án xem xét tình trạng hôn nhân để giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thúy N theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh chưa có con chung, cũng không có tài sản chung và vay nợ chung.

Bị đơn chị Lý Thúy N vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 01-4-2024 về việc anh Phạm Văn T xin ly hôn với chị Lý Thúy N; nhưng bị đơn không nộp bản tự khai trình bày ý kiến, quan điểm về việc anh Phạm Văn T xin ly hôn; Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa, nên không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ của phía bị đơn.

Quá trình tiến hành tố tụng, ngày 04-6-2024 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền thôn N, xã H, kết quả chị Lý Thúy N có đăng ký hộ khẩu và thường trú ở cùng bố mẹ đẻ, sau khi kết hôn với anh Phạm Văn T thì chị Lý Thúy N về nhà chồng ở khoảng 2 tháng, nhưng chưa chuyển hộ khẩu về nhà anh Phạm Văn T; sau đó từ tháng 9-2019 không thấy chị L Thúy N có mặt tại địa phương, gia đình có nói là đi Trung Quốc làm ăn, tuy nhiên không khai báo với chính quyền, hiện nay chị Lý Thúy N ở đâu chính quyền thôn N không rõ; căn cứ nội dung xác nhận của Công an xã H, xác định chị Lý Thúy N có đăng ký hộ khẩu và chỗ ở tại thôn N, xã H, thành phố L, hiện đang sinh sống tại thôn N, không khai báo

đăng ký tạm trú chỗ nào khác. Tòa án đã thực hiện niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về mở phiên họp, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần 1 ngày 23-7-2024 tại các nơi theo quy định nhưng chị Lý Thúy N vẫn vắng mặt; để đảm bảo quyền lợi của bị đơn Tòa án đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh L, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đăng thông báo về việc thụ lý vụ án xin ly hôn trên Cổng thông tin điện tử của các cơ quan trên theo quy định; gửi công văn xác minh tại Cục Q của Bộ C, kết quả không có thông tin xuất nhập cảnh đối với trường hợp Lý Thúy N, sinh ngày 18-8-1999, chứng minh thư nhân dân số 082323570, địa chỉ thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ bị đơn, tại biên bản làm việc ngày 30-5-2024 và lời trình bày tại phiên tòa, cho biết chị Lý Thúy N là con gái của bà, cuối năm 2018 có kết hôn với anh Phạm Văn T là đúng; trước và sau kết hôn vẫn đăng ký hộ khẩu ở với gia đình bà, không chuyển hộ khẩu về nhà chồng của chị Lý Thúy N; ngoài ra bà Nguyễn Thị N1 cho biết sau khi lấy chồng một thời gian, anh Phạm Văn T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng cãi nhau, anh Phạm Văn T cắt đứt liên lạc. Vì vậy tháng 9-2019 con gái bà theo bạn bè đi làm công ty ở tỉnh Bắc Ninh, rồi theo bạn đi trái phép sang Trung Quốc làm thuê, nay bà không có địa chỉ cụ thể, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chính xác chị Lý Thúy N đang làm ăn ở Trung Quốc; khi chị Lý Thúy N đi Trung Quốc không khai báo với chính quyền địa phương, cũng không đăng ký tạm trú ở địa chỉ nào khác. Còn anh Phạm Văn T với chị Lý Thúy N chỉ chung sống vợ chồng một thời gian ngắn, chưa có con chung, không có tài sản chung, hai bên đã sống ly thân nhiều năm, nên việc ly hôn của hai bên tự quyết định bà không có ý kiến gì; còn chị Lý Thúy N cũng được bà thông tin qua gọi Zalo báo là anh Phạm Văn T có đơn xin ly hôn, chị Lý Thúy N cũng biết và đồng ý ly hôn, nhưng yêu cầu anh Phạm Văn T phải bồi thường tuổi thanh xuân và trả lại số tiền 7.000.000 đồng đã cầm của chị Lý Thúy N. Tại phiên tòa bà lại trình bày và cho rằng anh Phạm Văn T chỉ cầm của vợ là 5.000.000 đồng và vay của bà 1.000.000 đồng để về sơn sửa nhà sau khi kết hôn, nay yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật buộc anh Phạm Văn T trả lại số tiền này.

Đối với người làm chứng là bà Nguyễn Thị T1, là mẹ đẻ anh Phạm Văn T trình bày việc kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng như anh Phạm Văn T trình bày là đúng; sau khi cưới gia đình bà rất mong muốn các con hạnh phúc, việc chị Lý Thúy N đi làm ăn xa gia đình bà không nhất trí, nhưng phía gia đình nhà chị Lý Thúy N vẫn để chị N2 đi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách; cuối năm 2019 bà có bảo con dâu về nhà ăn tết, nhưng do anh Phạm Văn T đi làm không ở nhà nên chị Lý Thúy N không về. Nay vợ chồng con bà ly thân đã lâu, chị Lý Thúy N đi đâu, làm gì gia đình bà không biết, nay anh Phạm Văn T xin ly hôn bà đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Lý Thúy N; do vắng mặt bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho các đương sự đúng quy định; nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định, nhưng bị đơn không đến Tòa; quá trình tố tụng Tòa án đã thực hiện thông báo, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng quy định; tại phiên tòa hôm nay chị Lý Thúy N đã được Tòa niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ; đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ kiện, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ nội dung trình bày sự việc của nguyên đơn và người tham gia tố tụng khác. Thấy quan hệ hôn nhân của các bên có đăng ký kết hôn đúng quy định; quá trình hôn nhân thời gian chung sống vợ chồng ngắn, con chung, tài sản chung không có, đã sống ly thân một thời gian dài; hiện bị đơn chị Lý Thúy N không có mặt tại địa phương, theo bà Nguyễn Thị N1 là mẹ bị đơn cho rằng bị đơn hiện xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; tuy nhiên qua kết quả xác minh cũng không có căn cứ xác định bị đơn đang ở Trung Quốc; nên không có căn cứ xác định vụ án có đương sự ở nước ngoài. Với tình trạng hôn nhân của các đương sự như trên, xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Lý Thúy N; về con chung, tài sản chung, nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết. Về yêu cầu anh Phạm Văn T trả lại chị Lý Thúy N 5.000.000 đồng và trả bà Nguyễn Thị N1 1.000.000 đồng tiền vay không có căn cứ giải quyết, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định. Nguyên đơn anh Phạm Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm; các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Lý Thúy N, do bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã H, thành phố L; không có căn cứ xác định bị đơn đang ở nước Trung Quốc. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lý Thúy N vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Lý Thúy N tự nguyện kết hôn, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký 31-7-2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, theo lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng xác định vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Lý Thúy N sau khi cưới sống chung được khoảng 3 đến 4 tháng; chị Lý Thúy N chưa chuyển hộ khẩu về gia đình nhà chồng; từ cuối năm 2019 đã sống ly thân không còn liên lạc quan tâm đến nhau, nên tháng 12-2020 anh Phạm Văn T đã làm đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết chị Lý Thúy N không đến Tòa án, nên đã rút đơn. Nhưng từ đầu năm 2021 đến nay hai vợ chồng vẫn ly thân, thời gian sống ly thân đã 5 năm không ai quan tâm đến ai, hai vợ chồng bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hơn nữa vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung, nên xác định hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Lý Thúy N.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đều không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu đề nghị của bà Nguyễn Thị N1 cho rằng chị Lý Thúy N đồng ý ly hôn với điều kiện anh Phạm Văn T phải trả lại 5.000.000 đồng; do chị Lý Thúy N vắng mặt, không có căn cứ tài liệu và yêu cầu của bị đơn trong quá trình tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Đối với bà Nguyễn Thị N1 tại phiên tòa yêu cầu anh Phạm Văn T phải trả lại 1.000.000 đồng tiền vay; quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án lập biên bản làm việc, nhưng không có yêu cầu đòi tiền vay nên không xác định bà Nguyễn Thị N1 có tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tại phiên tòa anh Phạm Văn T không thừa nhận có vay tiền, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Bà Nguyễn Thị N1 có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc vay nợ tiền bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí, anh Phạm Văn T là nguyên đơn xin ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố là phù hợp, có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Lý Thúy N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 13, đăng ký kết hôn ngày 31-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000173 ngày 26-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND thành phố Lạng Sơn;
- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- UBND xã Hợp Thành, H Cao Lộc (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Xuân Tĩnh